TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 01 -2023
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2022/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1992 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp 9, xã P, huyện G, tỉnh B..

Bị đơn: Anh Hà C, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị P trình bày:

Chị và anh Hà C cưới nhau năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B ngày 11/01/2017. Sau khi cưới vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khoảng cuối năm 2018 thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra chị phát hiện anh Hà C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó chị và anh Hà C sống ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Hà C, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Hà C nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà C.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Hà C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và tại phiên tòa xét xử vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị P đối với anh Hà C. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Hà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh Hà C vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Dương Thị P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh Hà C.

[2] Về hôn nhân: Chị P và anh C cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B ngày

11/01/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P cho rằng chị và anh Hà C chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra chị P cho rằng anh Hà C không chung thủy nên hai bên đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2018 cho đến nay (trình bày của chị P phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án đối với bà nội anh Hà C là bà Nguyễn Thị Châu về việc chị P và anh Hà C đã sống ly thân với nhau). Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để hàn gắn tình cảm. Anh Hà C biết việc chị P yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Hà C vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị P. Điều đó thể hiện anh Hà C đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh Hà C là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh Hà C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Dương Thị P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị P đối với anh Hà C. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Dương Thị P phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008817 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị P đã nộp xong.

Chị Dương Thị P và anh Hà C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã P (G – B);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường **Huỳnh Thị Sương** **Lê Văn Lâm**